



MÔ TẢ

KERASEAL ADO20 là hệ thống phủ sàn epoxy hai thành phần gốc dung môi, bề mặt hoàn thiện không mạch nối và kháng hóa chất phổ thông.



ỨNG DỤNG

- Nhà máy sản xuất thực phẩm và nước giải khát
- Ngành dược phẩm
- Phòng sạch tiêu chuẩn
- Nhà máy cơ khí chính xác
- Bệnh viện và khu vô trùng
- Sàn trung tâm thương mại và tầng hầm
- Nhà máy sản xuất lắp ráp linh kiện điện tử.



TÍNH NĂNG

- Chống mài mòn tốt
- Kháng khuẩn tốt
- Sử dụng tốt cho bề mặt thép
- Kháng hóa chất phổ thông
- Bề mặt bóng
- Dễ làm sạch và tính vệ sinh cao
- Hiệu quả kinh tế cao
- Nhiều màu lựa chọn



LƯU KHO

Lưu kho trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất và điều kiện kho chuẩn với bao bì không được mở nắp, tránh ánh nắng mặt trời, nhiệt độ từ 20°C - 40°C.



ĐÓNG GÓI

KERASEAL ADO20 được cung cấp theo tiêu chuẩn 20kg /bộ



TIÊU THỤ

Tính lượng tiêu thụ cho một lớp phủ với bề mặt tiêu chuẩn:

75µm : 0.10kg/m²

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Hàm lượng rắn	80%
Thời gian làm việc	45 - 60 phút
Độ dày tối thiểu cho một lớp phủ	50µm
Thời gian tối thiểu phủ lớp tiếp theo	12 giờ
Thời gian tối đa phủ lớp tiếp theo	72 giờ
Thời gian khô bề mặt (ASTM D1640-14)	≤ 6 giờ
Thời gian sống (JIS K5551:2002)	25 phút
Cường độ bám dính (ASTM D4541)	≥ 2.0 Mpa
Độ mài mòn (JIS K5600-5-8:1999)	≤ 65 mg
Độ bền va đập (ISO 6272-2:2011)	≥ 50 kG.cm
Hàm lượng hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC) (ISO 11890-1:2007)	≤ 55%
Độ bền uốn (TCVN 2099-2013)	≤ 3mm
Độ mịn (không lớn hơn) (TCVN 2091:2015)	30µm

Độ kháng hóa chất (Theo bảng kháng hóa chất chi tiết)

Kháng nhiệt : -20°C – 80°C

Kháng nhiệt không liên tục trong 7 ngày: 60°C

Kháng nhiệt không liên tục trong 12 giờ: 90°C

Không tiếp xúc hóa học và cơ học cùng một lúc

HƯỚNG DẪN THI CÔNG



Điều kiện bê tông

Bề mặt bê tông phải được xoa nhẵn, cán phẳng, bê tông phải đặc, chắc với cường độ nén khoảng 25 N/mm² và cường độ kéo tối thiểu 1.5 N/mm². Bê tông phải được thiết kế, sử dụng hệ thống ngăn ẩm hoặc chống thấm thấu ngược.



Chuẩn bị bề mặt bê tông

KERASEAL ADO20 phải được thi công trên bề mặt sạch, không bụi bẩn, dầu mỡ. Những chất bẩn trên bề mặt nên được loại bỏ bằng hóa chất chuyên dụng và sử dụng biện pháp cơ học. Bề mặt bê tông không phẳng hoặc bị tổn thương nên được sửa chữa bằng vật liệu thích hợp như KERACRETE RM120 hoặc KERACRETE NS50. Độ ẩm trên bề mặt nên nhỏ hơn 6% khi đo bằng máy đo phù hợp.



Hạn chế

Để đạt được màu đồng nhất, nên sử dụng vật liệu trong cùng một lô sản xuất trong một khu vực. Dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp, bề mặt hoàn thiện có thể có một số sự biến màu và màu sắc thay đổi, điều này không ảnh hưởng đến chất lượng và tính năng của lớp phủ.





Lưu ý:

- Độ ẩm của nền <6%
- Nhiệt độ thi công tối thiểu 15°C
- Nhiệt độ thi công tối đa 39°C
- Độ điểm sương tối thiểu trên bề mặt là 3°C
- Độ ẩm không khí tối đa 85%



Trộn

Nên sử dụng máy trộn chuyên dụng với tốc độ không quá 600 rpm với thanh trộn chuyên dụng. Đầu tiên trộn thành phần A trong 2-3 phút cho đến khi vật liệu đồng nhất. Đổ từ từ thành phần B vào thành phần A và trộn thêm 2-3 phút cho đến khi hỗn hợp đồng nhất.

Không trộn quá lâu để tránh bọt khí trong quá trình trộn vật liệu.

Lưu ý: Vật liệu đã trộn chỉ sử dụng ngay và một lần, không được đóng lại để sử dụng cho lần sau.



Thi công

KERASEAL ADO20 được thi công bằng cách lăn bằng rulo lông ngắn, lăn đều hỗn hợp KERASEAL ADO20 vừa trộn trên bề mặt đã được chuẩn bị và có thể lăn thành nhiều lần cho đến khi đạt độ phủ như mong muốn.



Nếu sử dụng máy phun sơn, sử dụng bơm phun một pittong với đầu phun Vonfram 0.015 inch theo tỷ lệ 20:1. Tốt nhất nên trộn thêm 5% dung môi vào hỗn hợp vật liệu khi phun.

ĐÔNG CỨNG

Nhiệt độ	Đi lại	Di chuyển nhẹ	Đông cứng hoàn toàn
+10°C	24 h	3 ngày	10 ngày
+20°C	18 h	2 ngày	7 ngày
+30°C	12 h	1 ngày	5 ngày

BẢO DƯỠNG



KERASEAL ADO20 có thể dễ dàng vệ sinh bằng khăn ướt thông thường. Đối với các khu vực bị nhiễm bẩn nặng, có thể sử dụng sút pha với nước sạch.

LƯU Ý: Với các vật kéo lê trên bề mặt sẽ làm xước lớp bề mặt. Tránh làm xước bề mặt bằng cách trải tấm bảo vệ bề mặt trước khi hoạt động trên bề mặt.

VỆ SINH DỤNG CỤ



Dụng cụ thi công phải được làm sạch ngay sau khi sử dụng bằng dung môi.

AN TOÀN THI CÔNG



Các thành phần của sản phẩm đã được thiết kế để tối ưu hóa đặc tính vật lý như độ bền và kháng hóa chất để giảm thiểu các yếu tố gây ảnh hưởng sức khỏe trong quá trình sử dụng. Nhận thức và có kiến thức đúng để đảm bảo sử dụng đúng và an toàn sản phẩm. Xin vui lòng luôn đeo khẩu trang trong suốt quá trình thi công.

Trong quá trình thi công sản phẩm của APT, luôn luôn đeo găng tay và mặc quần áo bảo hộ lao động để giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm. Thông gió là rất cần thiết với những khu vực thi công kín, không thoáng khí. Không khí phải được lưu thông để đảm bảo thông thoáng ở tất cả các khu vực làm việc và khu vực lân cận để tránh sự tích tụ của hơi hóa chất. Cảnh thận khi xử lý chất lỏng dễ cháy trong khu vực làm việc. Lưu trữ an toàn bằng cách chứa vật liệu trong thùng, trong khu vực thoáng mát và tuyệt đối cấm lửa. Sản phẩm này chỉ dùng trong xây dựng công nghiệp và khu vực chuyên dụng; thi công sản phẩm theo đúng tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất.





VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM VẬT LIỆU HỮU CƠ & HÓA PHẨM XÂY DỰNG

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM) - MINISTRY OF CONSTRUCTION (MOC)
CENTRE FOR ORGANIC MATERIALS & CONSTRUCTION CHEMICALS (COMCC)

Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel): 024.38582912; Fax: 024.38581112; Website: <http://vibm.vn/>; E-mail: ttvlhc@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số (No): 1396/VLXD-VLHC

1. Cơ quan gửi mẫu (Client): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT HÓA CHẤT XÂY DỰNG APT
2. Loại mẫu (Kind of sample): KERASEAL ADO20
3. Số lượng (Quantities): 01
4. Số phiếu (No): 5338/KHKT
5. Ngày nhận mẫu (Date of received): 16/12/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT (No)	Tên chỉ tiêu (Properties)	Đơn vị (Unit)	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test methods)
1	Độ mịn (fineness)	µm	25	TCVN 2091 :2008
2	Thời gian khô bề mặt (Surface drying)	Giờ	3h40'	TCVN 2096 :2015
3	Độ bền va đập của màng (Impact resistance)	kG.cm	70	TCVN 2100-2:2013
4	Cường độ nén (Compressive strength)	N/mm ²	18,3	TCVN 1193:2017
5	Cường độ bám dính (Bond strength)		2,4	ASTM D 7234-12
6	Độ chịu mài mòn (Abrasion Resistance) - Loại bánh mài (Wheels No) : CS10 - Tải trọng (Loads of): 1000 g - Chu kỳ mài mòn (Abrasion cycles): 1000 vòng	mg	49	TCVN 11474:2006
7	Độ bền uốn (Bend resistance)	mm	2	TCVN 2099:2013
8	Hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) Volatile organic compound (VOC) content	%	26,3	ISO 11890-1:2007

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2023

Cán bộ phân tích (Test By): Nga, Hà

PTN VILAS 003 - TT.VLHC & HPXD

Viện Vật liệu xây dựng



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Huỳnh

Trịnh Thị Hằng

Ghi chú (Note):

- Các chỉ tiêu và phương pháp thử được thử theo yêu cầu của khách hàng. (Characteristics and methods were tested according to client's request).
- Mẫu do khách hàng mang đến Viện Vật liệu xây dựng. Tên mẫu, tên cơ quan gửi mẫu và công trình sử dụng được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng. (Sample were sent to VIBM. Name of sample, client and works are reported client's request).
- Không được sao chép từng phần (được sao chép toàn bộ) phiếu kết quả này khi chưa được sự đồng ý của Viện Vật liệu xây dựng. (This test report not be reproduced, except in full).

QUYẾT ĐỊNH

Cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp Tiêu chuẩn cơ sở


-----***-----

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-LHH ngày 17/9/2007 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc thành lập Văn phòng Chứng nhận chất lượng (BQC);
- Căn cứ Giấy đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số A-673 ngày 15/10/2007 của Văn phòng Chứng nhận chất lượng (BQC) do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động chứng nhận số 199/TĐC-HCHQ ngày 18/1/2023 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Căn cứ Báo cáo thẩm xét hồ sơ đánh giá chứng nhận ngày 20/03/2023;
- Xét đề nghị của Trưởng Phòng Chứng nhận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận số HC.03.0987-1 cho sản phẩm “Sơn phủ bề mặt bê tông, sắt thép loại KERASEAL ADO20” do Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Hóa chất Xây dựng APT sản xuất:

- Địa chỉ: Khu 2, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
-  Nhãn hiệu thương mại:
- Phù hợp với tiêu chuẩn: TCCS:01-2018/APT (ban hành lần 1 ngày 01/6/2018).
- Phương thức đánh giá: Phương thức 5 (Thông tư số 28/2012/TT-BKH-CN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ).

Điều 2. Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Hóa chất Xây dựng APT được phép sử dụng Giấy chứng nhận và dấu phù hợp Tiêu chuẩn theo quy định của BQC.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký. Các sản phẩm của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Hóa chất Xây dựng APT được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ không quá 12 tháng/lần, tương ứng với 02 lần giám sát trong 03 năm hiệu lực của chứng chỉ.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thùy Dương



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS - VUSTA

**VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
BUREAU OF QUALITY CERTIFICATION**

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Chứng nhận sản phẩm/This is to certify that:
**Sơn phủ bề mặt bê tông, sắt thép loại KERASEAL ADO20/
Surface coating of concrete, iron and steel KERASEAL ADO20**

Nhãn hiệu thương mại/ Trade marks:

Được sản xuất tại/Produced by:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT HÓA CHẤT XÂY DỰNG APT
APT CONSTRUCTION CHEMICAL MANUFACTURING TRADING COMPANY LIMITED**

Địa chỉ: Khu 2, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address: Zone 2, Phu Minh Commune, Soc Son District, Hanoi City, Vietnam

Phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của Tiêu chuẩn/To be in conformance with the technical requirements of:

TCCS:01-2018/APT

(TCCS:01-2018/APT ban hành lần 1 ngày 01/6/2018 được BQC đóng dấu xác nhận là phần không thể tách rời với Giấy chứng nhận này)

Phương thức chứng nhận/Mode of certification:

Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012
Mode 5th - Circular 28/2012/TT-BKHCN dated 12th December 2012

**Được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp chuẩn
And approved to bear Certification mark**

Số chứng nhận : **HC.03.0987-1**
Certificate No.
Hiệu lực của chứng nhận: **Từ/ From 20/03/2023**
Certificate validity period **đến/ to 19/03/2026**
Chi tiết tại Quyết định số: **92/2023/QĐ-BQC**
Details in Decision No.



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
Certification Committee
Chủ tịch/Chairman**

**Thạc sỹ khoa học/Master of Science
Mai Thái An**

**VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
Bureau of Quality Certification
Giám đốc/Director**



**Chuyên gia đánh giá trưởng/Lead Auditor
Nguyễn Thùy Dương**

- Bề mặt sơn khi khô đồng đều, bám dính chắc chắn và không rạn nứt.
- Sản phẩm có màu sắc đa dạng, theo yêu cầu của khách hàng.
- Trước khi triển khai và trong quá trình sản xuất sản phẩm, công ty cam kết nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ các chính sách và pháp luật của nhà nước về bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy. Không làm ô nhiễm, suy thoái môi trường xung quanh nơi cơ sở đang sản xuất.

- Mỗi lô hàng đều được lấy mẫu để lưu và kiểm tra các chỉ tiêu ngoại quan.

3- Ghi nhãn hàng hóa:

- Trên bao bì sản phẩm có nhãn hàng hóa. Nội dung nhãn hàng hóa tuân theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ và Thông tư số 09/2007/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ, thể hiện được các nội dung chính thức như:

- + Tên hàng hóa, nhãn hiệu hàng hóa;
- + Tên và địa chỉ nhà sản xuất chịu trách nhiệm về hàng hóa;
- + Thành phần nguyên liệu chính, ngày tháng sản xuất, số lô sản xuất, hạn sử dụng;
- + Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản;
- + Thông tin cảnh báo an toàn;
- + Định lượng.

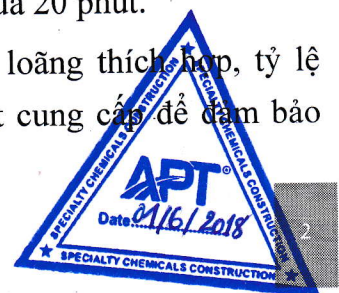
- Sản phẩm sử dụng các loại nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

4- Bao bì đóng gói:

- Trước khi đóng gói, tất cả bao bì đều được kiểm tra đảm bảo vệ sinh và an toàn.
- Sơn KERASEAL ADO20 ở dạng lỏng được đóng trong thùng sắt có nắp đậy kín hoặc theo yêu cầu của khách hàng.
- Sai số về đo lường đóng gói theo quy định của nhà nước.

5- Hướng dẫn sử dụng:

- Trước khi sử dụng, khuấy đều các thành phần bằng máy khuấy thích hợp.
- Khuấy và đổ dần thành phần đóng rắn vào thành phần chính, tỷ lệ giữa các thành phần tuân thủ theo quy định đối với từng loại sản phẩm. Thời gian khuấy hỗn hợp các thành phần từ 2-3 phút.
- Thời gian thi công sau khi khuấy trộn các thành phần không quá 20 phút.
- Trong một số trường hợp có thể pha loãng bằng chất pha loãng thích hợp, tỷ lệ không quá 5% hỗn hợp. Nên sử dụng dung môi do nhà sản xuất cung cấp để đảm bảo hiệu quả và chất lượng sản phẩm.



6- Bảo quản, vận chuyển:

- Sản phẩm được xếp ngay ngắn theo từng lô trong kho có mái che. Bảo quản tại nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nguồn điện, ánh sáng trực tiếp từ mặt trời.
- Chỉ nên chất tối đa là 03 thùng sản phẩm.
- Sản phẩm được vận chuyển bằng mọi phương tiện, có che mưa, che nắng. Khi vận chuyển, bốc xếp hàng lên, xuống phải nhẹ nhàng tránh va đập mạnh ảnh hưởng tới bao bì đựng sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

